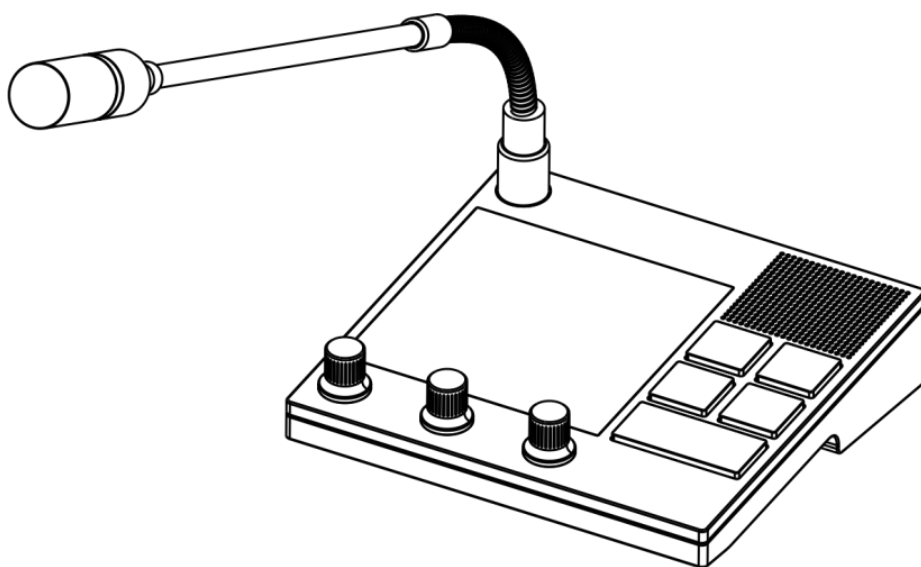


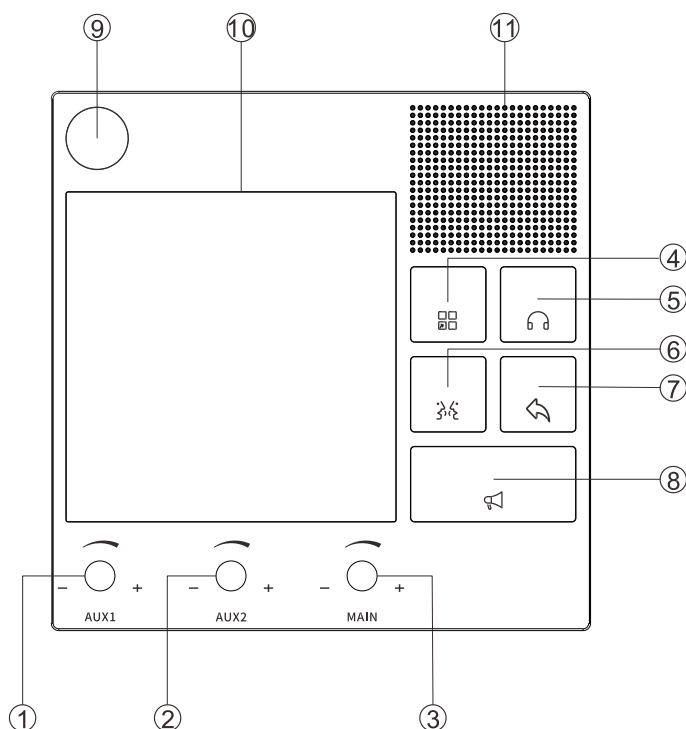


HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT & SỬ DỤNG BÀN GỌI XC-9038N

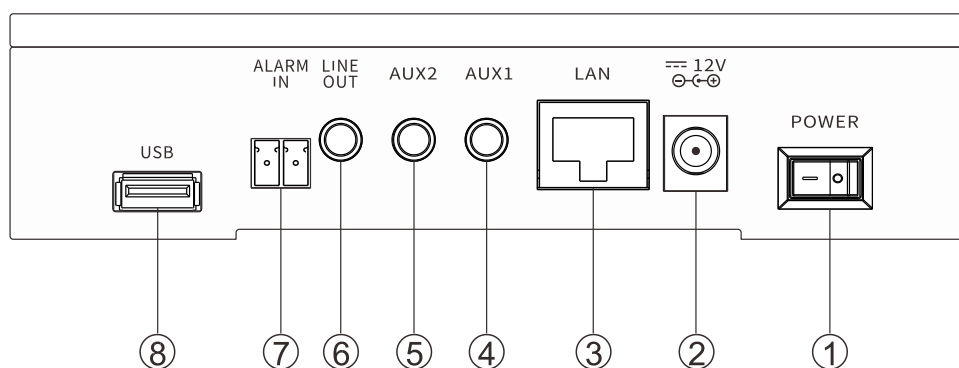


1.3. Product Interfaces

【Front】

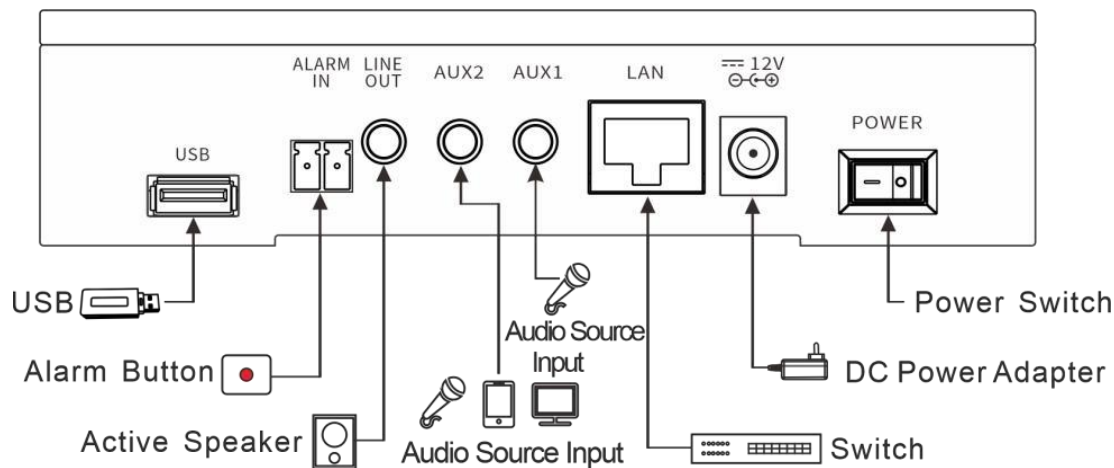


- ①Nút điều chỉnh âm lượng 01: điều chỉnh âm lượng của Đầu vào phụ 01.
- ②Nút điều chỉnh âm lượng 02: điều chỉnh âm lượng của Đầu vào phụ 02.
- ③Nút điều chỉnh âm lượng chính: điều chỉnh âm lượng của tất cả các kênh đầu vào.
- ④Nút phím tắt: vào giao diện cài đặt chức năng.
- ⑤Nút giám sát: vào giao diện giám sát nhanh.
- ⑥Nút liên lạc nội bộ: vào giao diện liên lạc nội bộ nhanh.
- ⑦Nút quay lại
- ⑧Nút PA: vào giao diện phát sóng nhanh.
- ⑨Ổ cắm micrô cổ ngỗng
- ⑩Màn hình cảm ứng 4”
- ⑪Loa

【Back】

- ① Công tắc nguồn: O có nghĩa là bật, — có nghĩa là tắt.
- ② Nguồn điện: DC12V/1.5A
- ③ Cổng mạng RJ45
- ④ AUX1: Dùng để kết nối micro đang hoạt động.
- ⑤ AUX2: Dùng để kết nối micro, điện thoại hoặc máy tính, v.v.
- ⑥ Lin Out: Dùng để kết nối loa đang hoạt động hoặc bộ khuếch đại
- ⑦ Alarm In: Dùng để kết nối nút báo động
- ⑧ Giao diện USB: Dùng để cắm USB ở định dạng FAT 32.

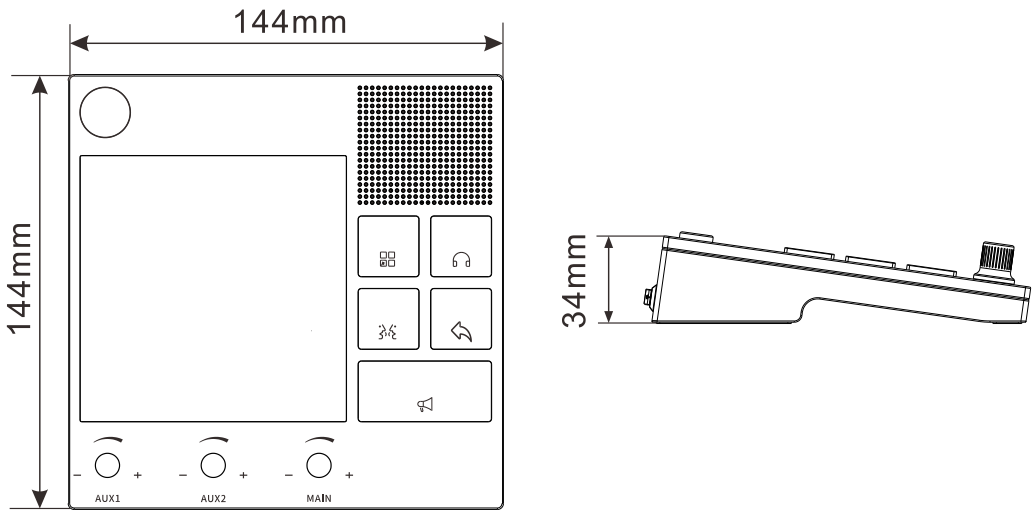
1.4. Sản phẩm bao gồm



1.5. Phụ kiện đi kèm

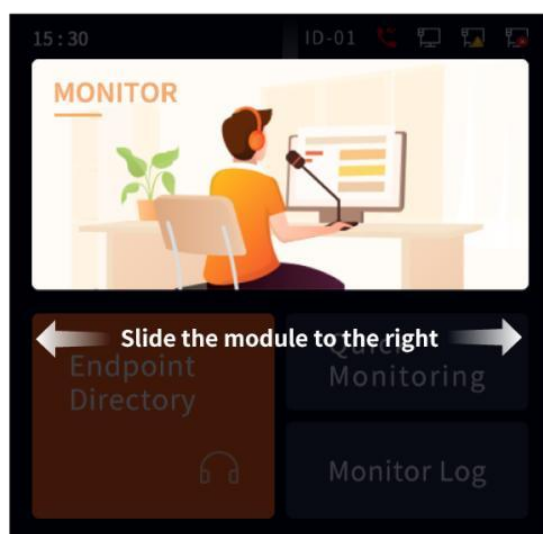


1.6. Kích thước sản phẩm



2. Cấu hình và vận hành sản phẩm

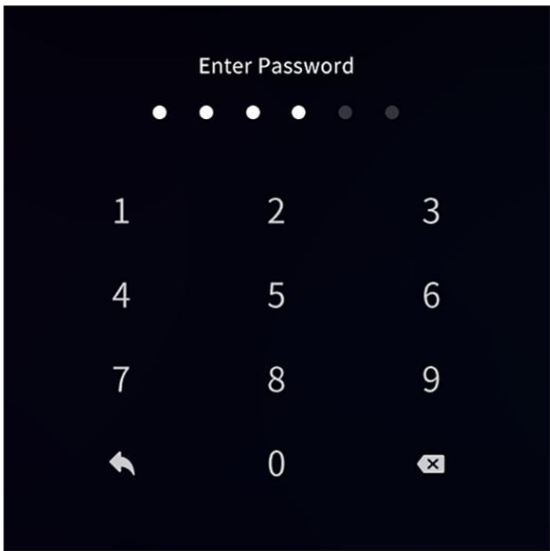
2.1. Cấu hình



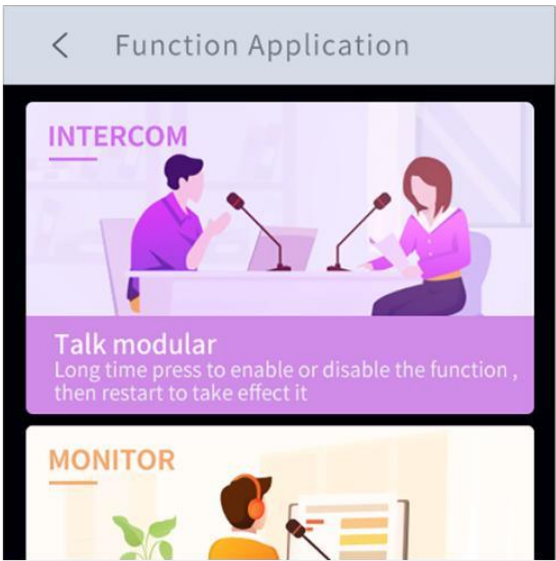
Vuốt màn hình cảm ứng để tìm giao diện “Cài đặt”.



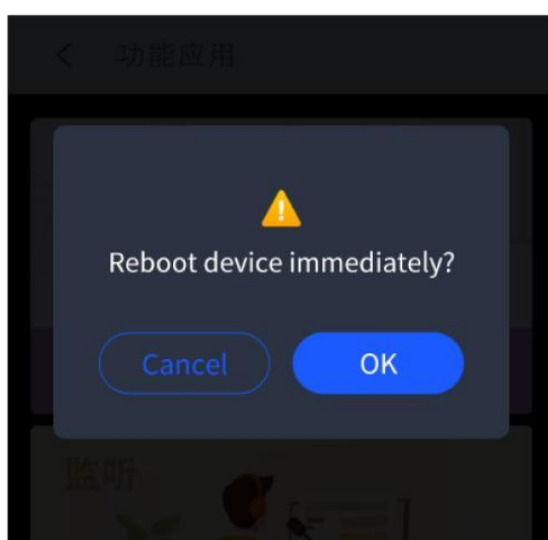
Chọn cài đặt “chức năng ứng dụng”.



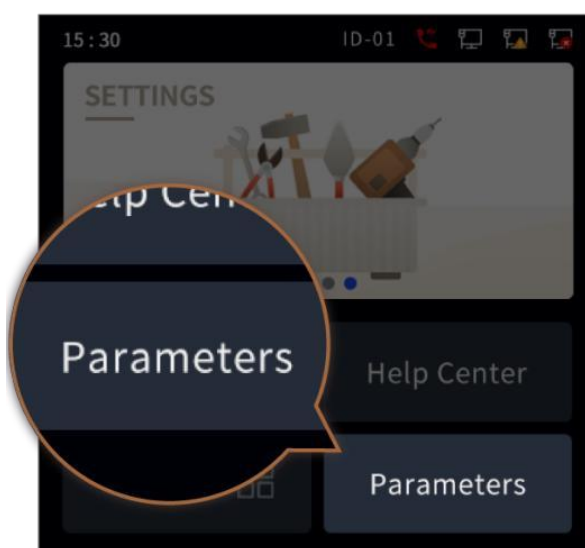
Nhập mật khẩu để vào “Chức năng & ứng dụng”.
(Mật khẩu mặc định là 123456)



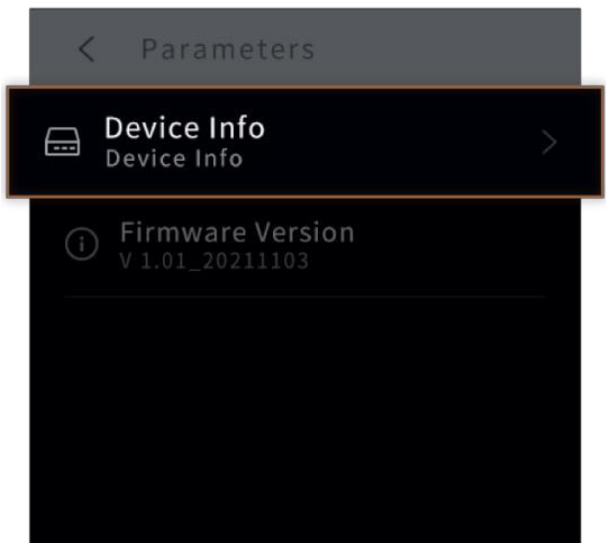
Nhấn và giữ để bật/tắt một số mô-đun chức năng nhất định.



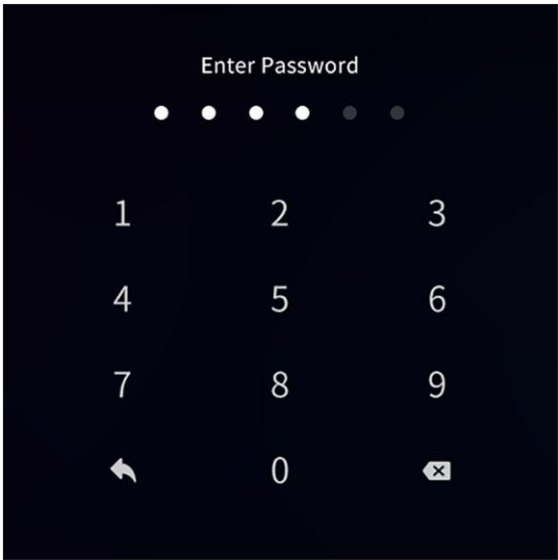
Nhấn “OK” để khởi động lại thiết bị để các cài đặt có hiệu lực.



Nhập cài đặt “Tham số”.



Nhấn “Thông tin thiết bị” để kiểm tra thông số mạng của thiết bị.



Nhập mật khẩu để vào “Device Info”.
(Mật khẩu mặc định là 123456)

<

Device Info

Save

SIP_ID	16
Server IP Address	192.168.1.122
Device IP Address	192.168.1.101
Subnet mask	255.255.255.0
Gateway	192.168.1.1

Bạn có thể kiểm tra và chỉnh sửa các thông số mạng tại đây.

<

Device Info

Save

SIP_ID

16

.

1

2

3

< x

#

4

5

6

*

7

8

9

@

0

✓

Nhấn để chỉnh sửa một số thông số của thiết bị.

<

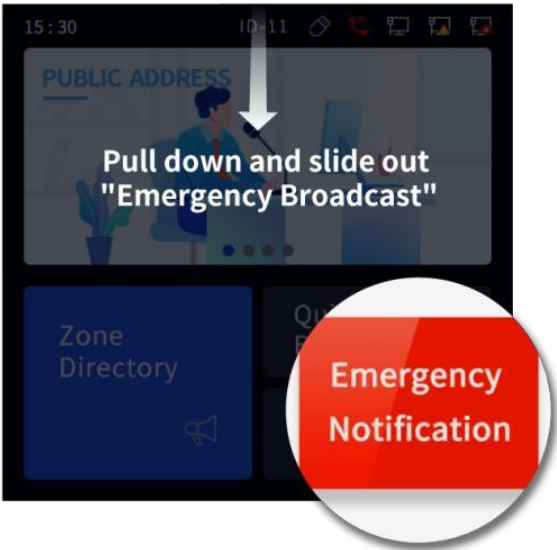
Device Info

Save

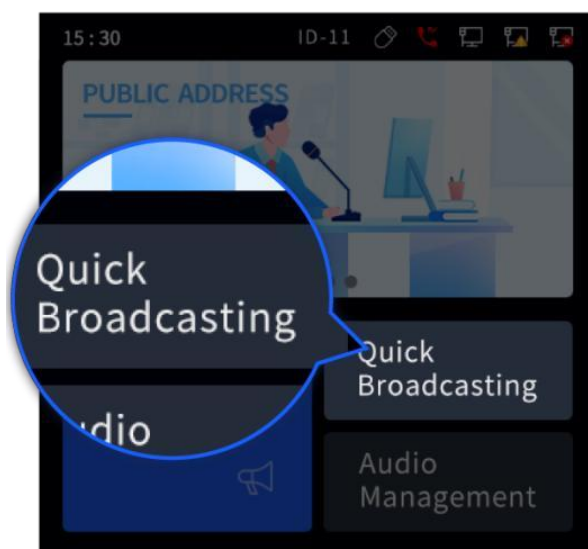
SIP_ID	16
Server IP Address	192.168.1.122
Device IP Address	192.168.1.101
Subnet mask	255.255.255.0
Gateway	192.168.1.1

Nhấn “Lưu” sau khi hoàn tất chỉnh sửa các thông số.
Thiết bị sẽ tự động khởi động lại để chỉnh sửa có hiệu lực.

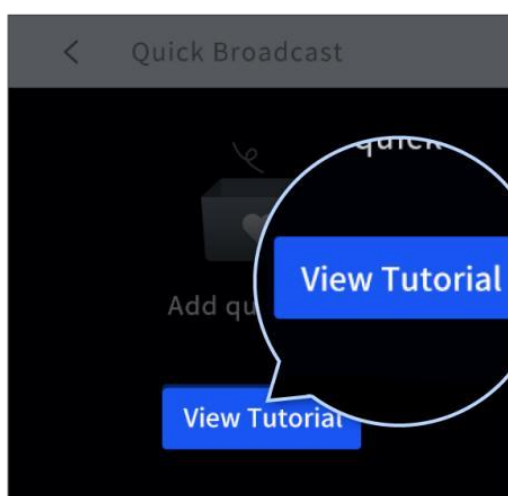
2.2. Thông báo theo vùng



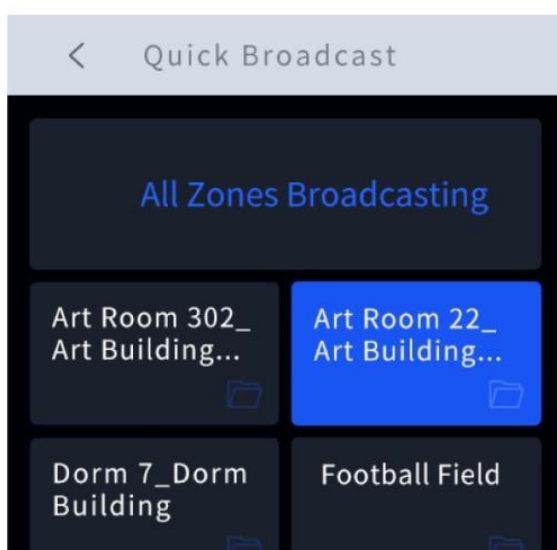
Phát sóng khẩn cấp: vuốt xuống màn hình cảm ứng để phát sóng khẩn cấp toàn vùng.



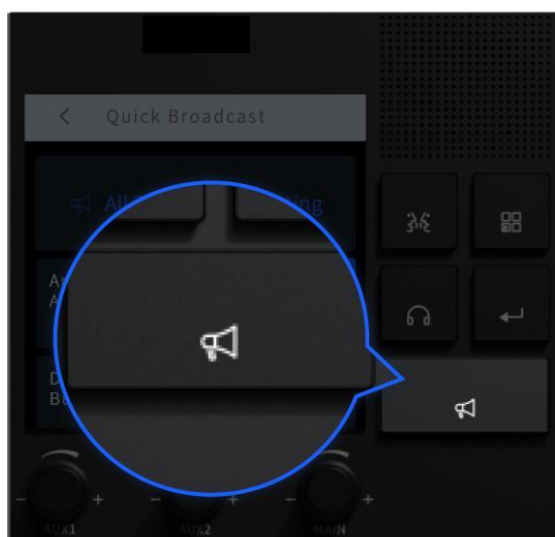
Nhấn vào đây để vào menu “Phát sóng nhanh”.



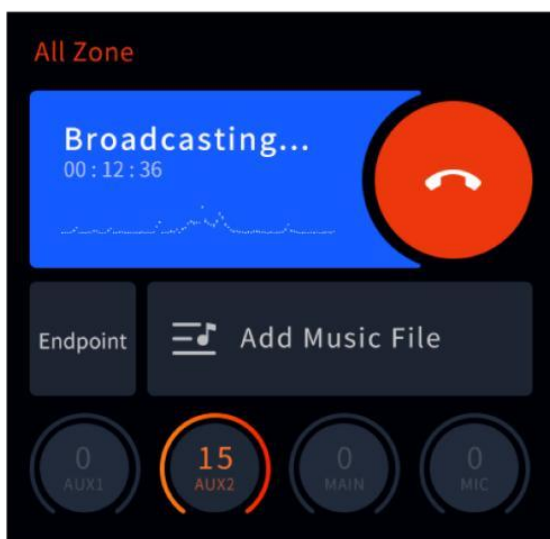
Nhấp vào nút “Xem hướng dẫn” để xem hướng dẫn về cách thêm phát sóng nhanh



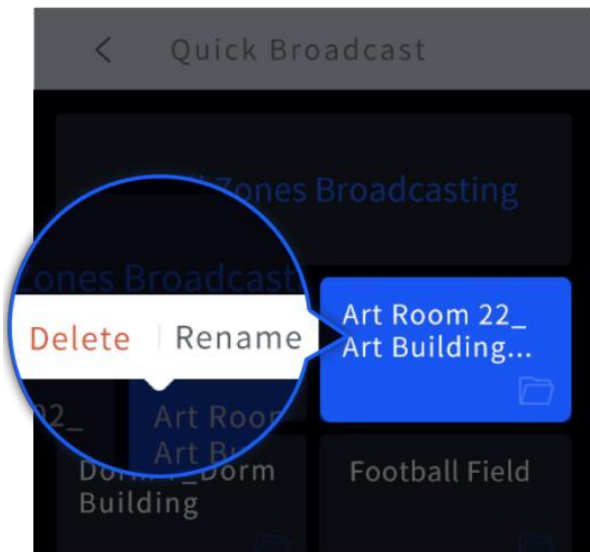
Nhấn “Phát sóng toàn vùng” hoặc các phím tắt cài đặt sẵn cụ thể.



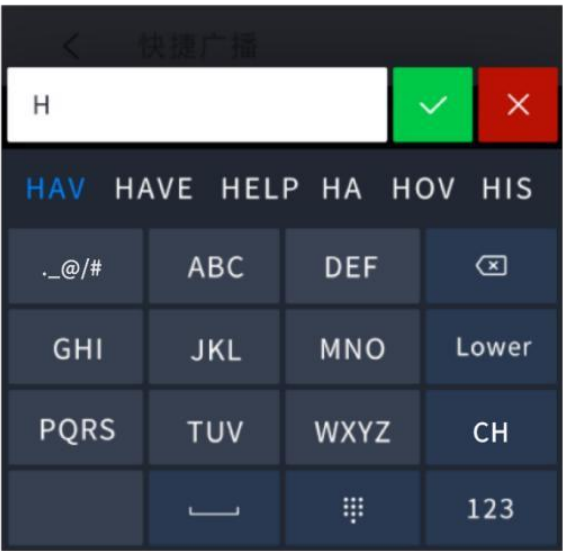
Nhấn nút phát sóng vật lý trên bảng điều khiển nhắn tin để thông báo bằng giọng nói hoặc phát nhạc nền theo phím tắt đã chọn.



Bạn sẽ tự động vào giao diện “Phát sóng”, bạn có thể thêm tệp nhạc hoặc điều chỉnh âm lượng của kênh đầu vào tại đây.



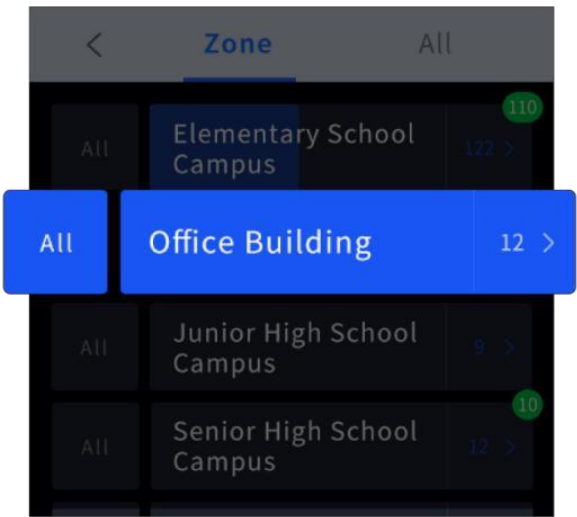
Trên menu “Phát sóng nhanh”, bạn có thể nhấn và giữ phím tắt cụ thể để xóa/đổi tên.



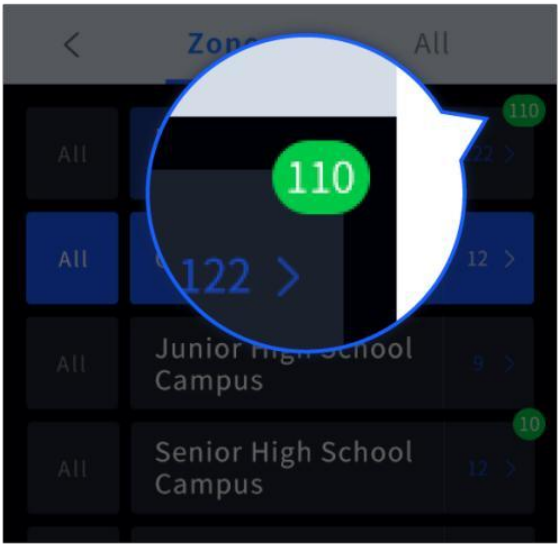
Bạn có thể sử dụng bàn phím để nhập văn bản nhằm đổi tên phím tắt.



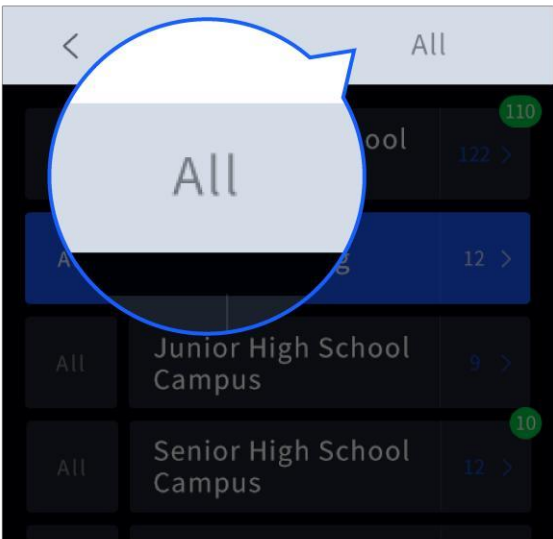
Nhấn vào đây để vào menu “Thư mục”.



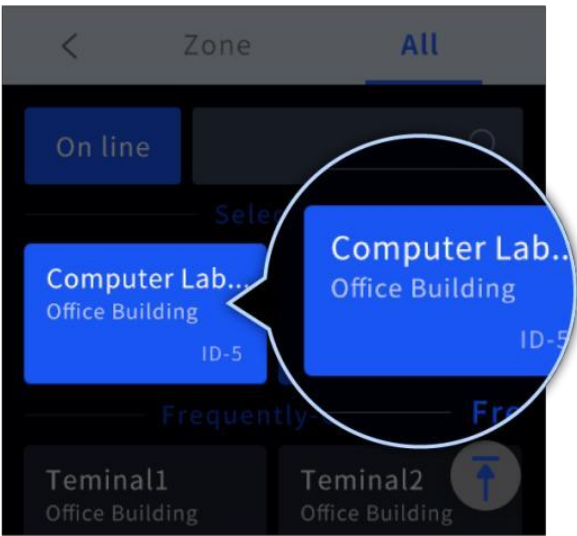
Bạn có thể chọn vùng nhắn tin cụ thể ở đây.



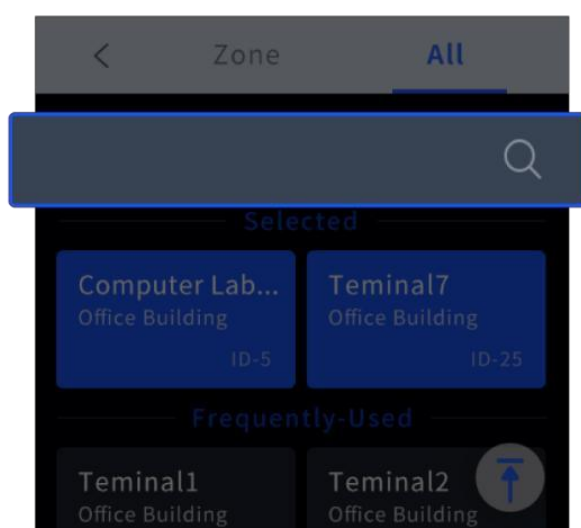
Tại đây bạn có thể thấy số lượng thiết bị điểm cuối IP đã chọn.



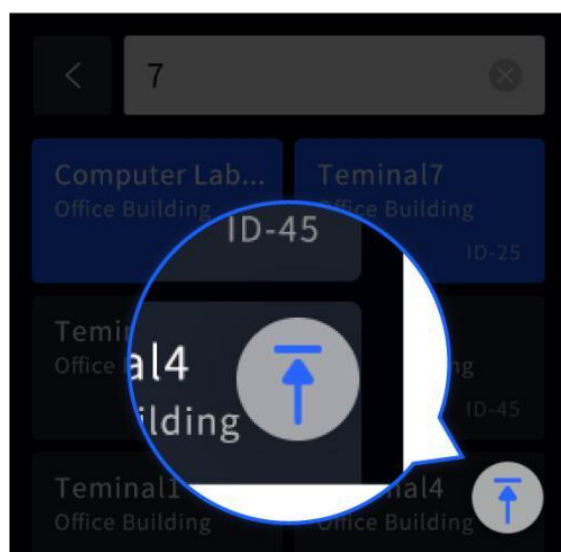
Hoặc nhấn vào đây để xem tất cả các thiết bị đầu cuối IP trong hệ thống.



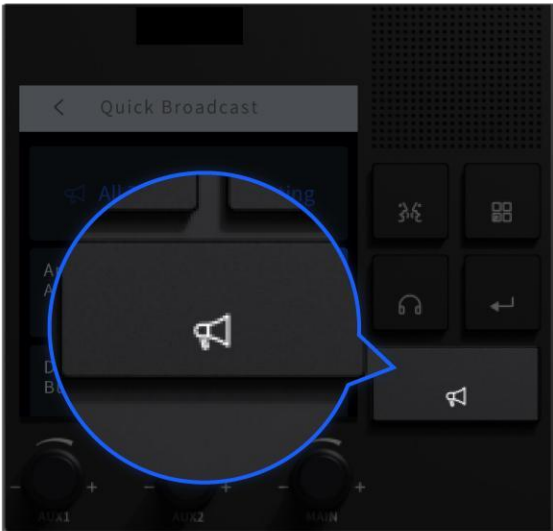
Tại đây bạn có thể chọn một số thiết bị đầu cuối IP nhất định để phát sóng.



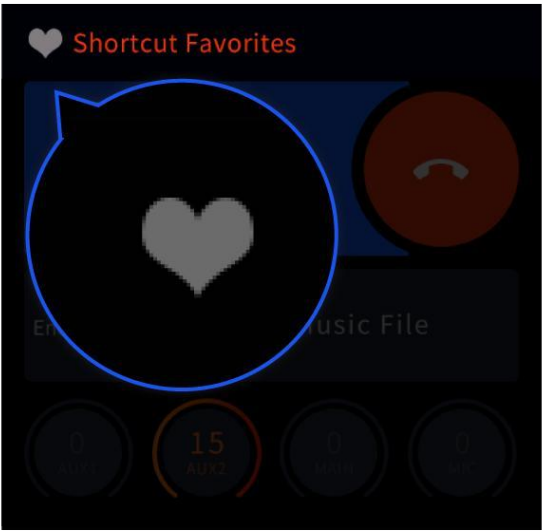
Hoặc sử dụng thanh tìm kiếm để tìm kiếm thiết bị đầu cuối IP cụ thể.



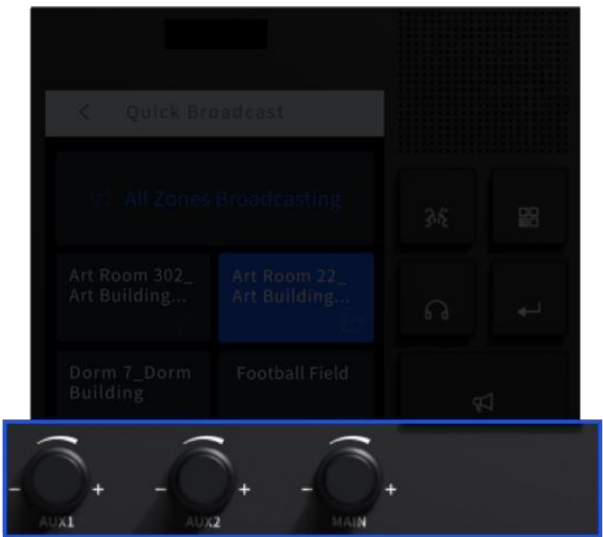
Sau khi chọn thiết bị đầu cuối IP nhất định, bạn có thể nhấn vào đây để đặt thiết bị đầu cuối đã chọn ở đầu danh sách thiết bị.



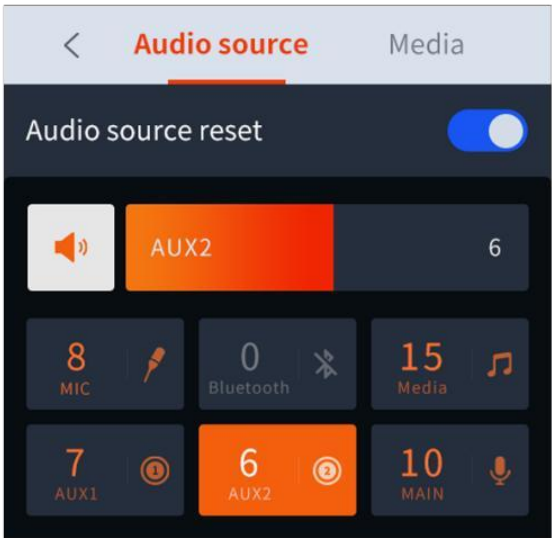
Nhấn nút phát sóng vật lý để thông báo bằng giọng nói hoặc phát nhạc nền cho thiết bị đầu cuối IP đã chọn.



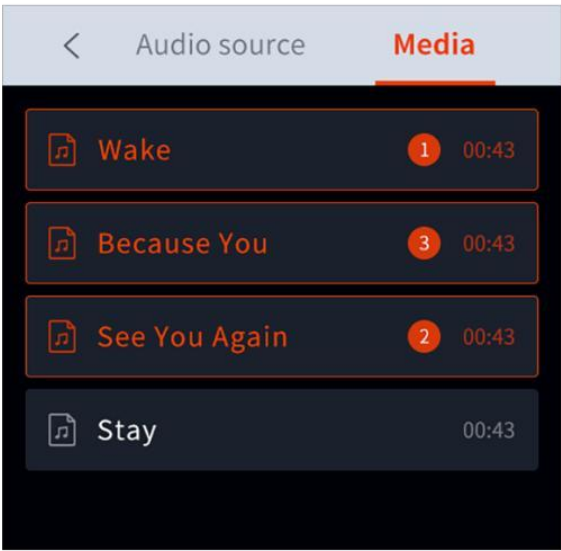
Nhấn vào biểu tượng trái tim để thêm thiết bị đầu cuối này vào menu phím tắt “Phát sóng nhanh”.



Nhấn nút âm lượng để tắt/bật tiếng một số kênh đầu vào nhất định (AUX1/AUX2/MAIN).

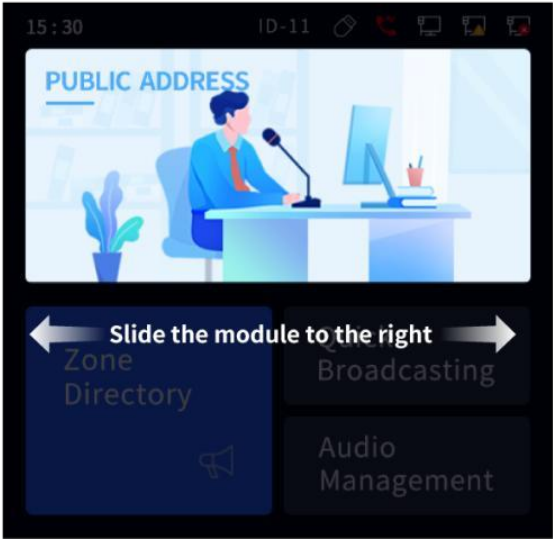


Trên giao diện “Nguồn âm thanh”, bạn có thể điều chỉnh âm lượng của các kênh đầu vào khác nhau.



Trên giao diện “Media”, bạn có thể xem tất cả các tệp âm thanh được lưu trữ trong ổ đĩa flash USB được cắm vào.

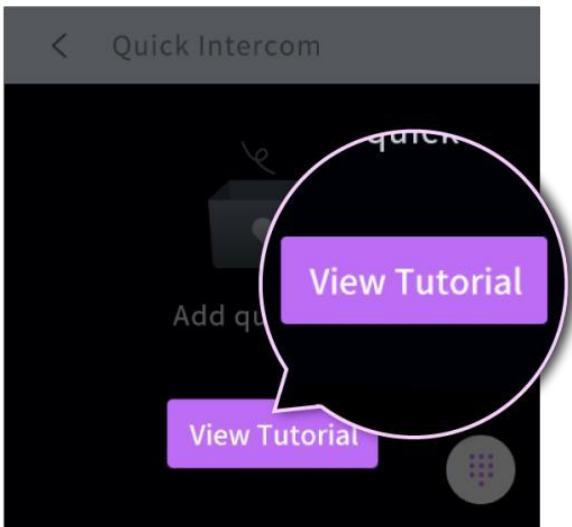
2.3. Intercom



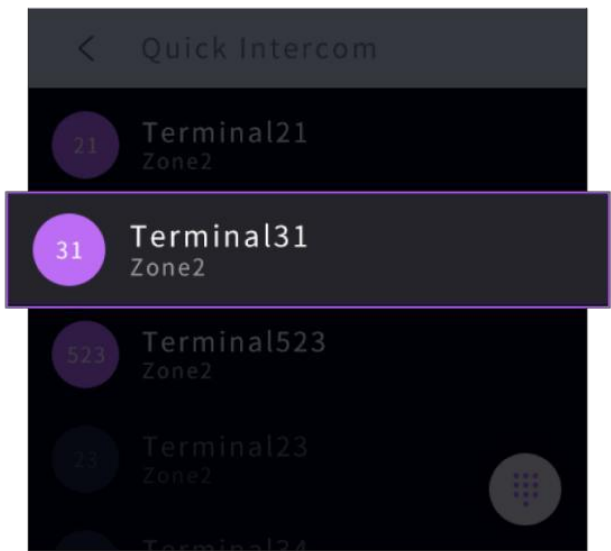
Vuốt màn hình cảm ứng để tìm mô-đun “Intercom”.



Nhấn vào đây để vào menu “Quick Intercom”.



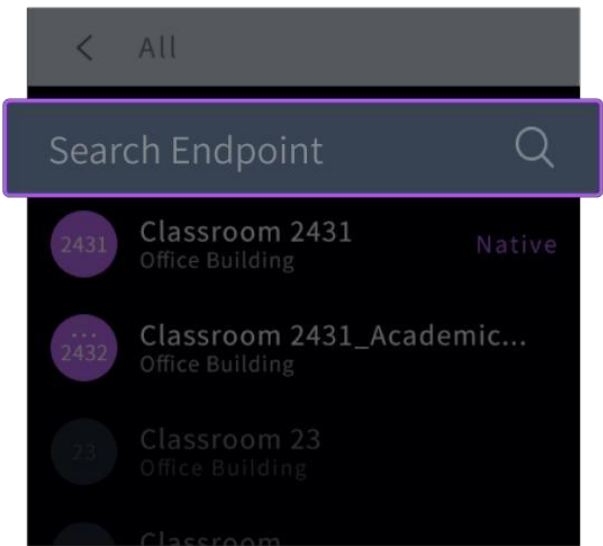
Nhấp vào nút “Xem hướng dẫn” để xem hướng dẫn về cách thêm hệ thống liên lạc nội bộ nhanh



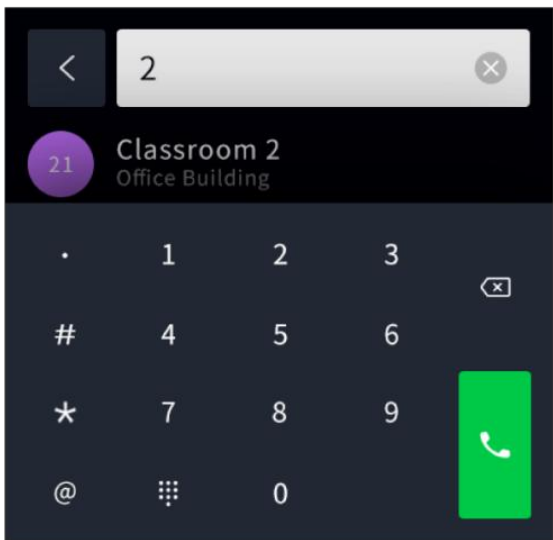
Nhấp vào thiết bị, trực tiếp khởi tạo hệ thống liên lạc nội bộ.



Nhấn vào đây để vào menu “Endpoint Directory”.



Tại đây bạn có thể sử dụng thanh tìm kiếm để tìm kiếm thiết bị đầu cuối IP cụ thể.



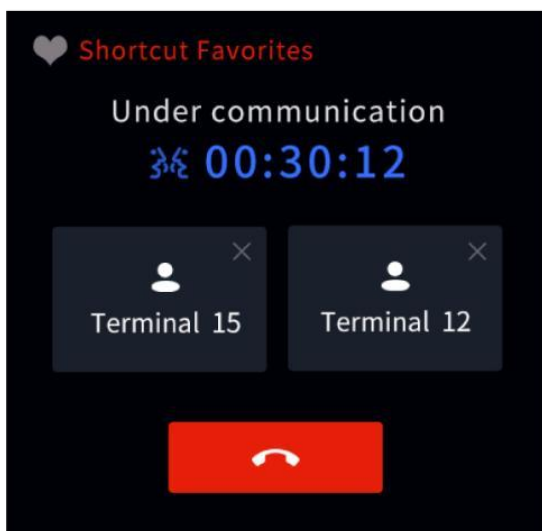
Bạn có thể nhấn một số thiết bị đầu cuối mục tiêu để bắt đầu đàm thoại nội bộ trực tiếp.



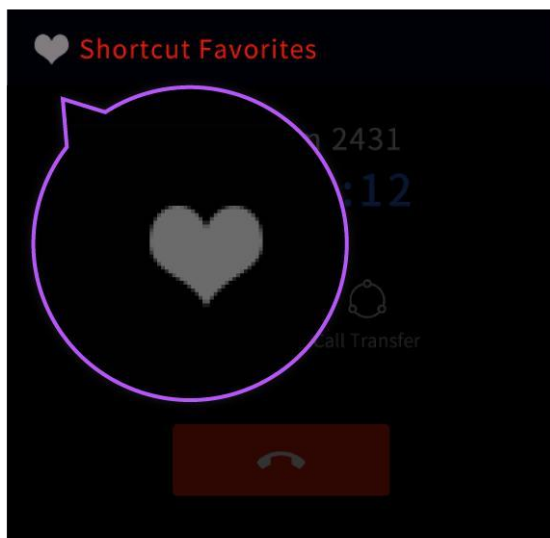
Bắt đầu cuộc gọi, chờ thiết bị mục tiêu trả lời.



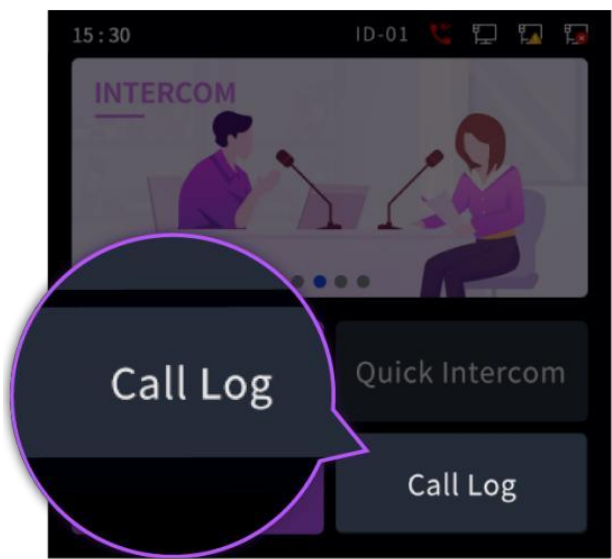
Trong khi đàm thoại nội bộ, hãy nhấp vào “Cuộc gọi ba chiều”.



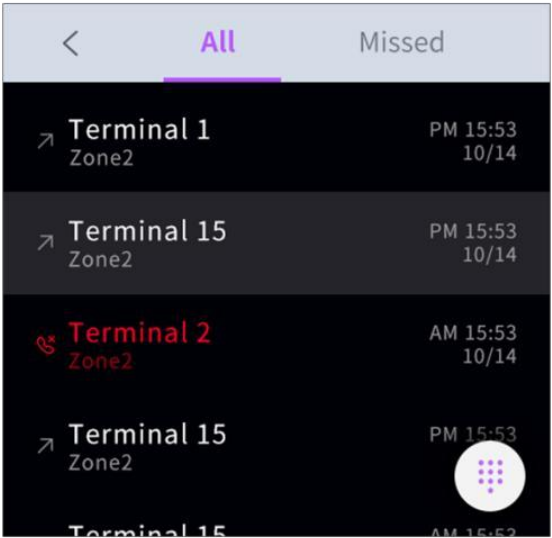
Nhập “cuộc gọi ba chiều”, ngắt máy liên lạc nội bộ và sau đó trở lại giao diện máy liên lạc nội bộ



Nhấn vào biểu tượng trái tim để thêm thiết bị đầu cuối này vào menu phím tắt “Quick Intercom”.

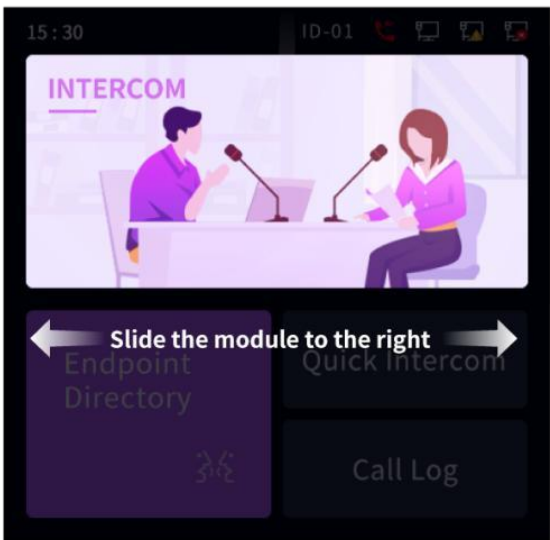


Press here to enter the “Call Log” menu.

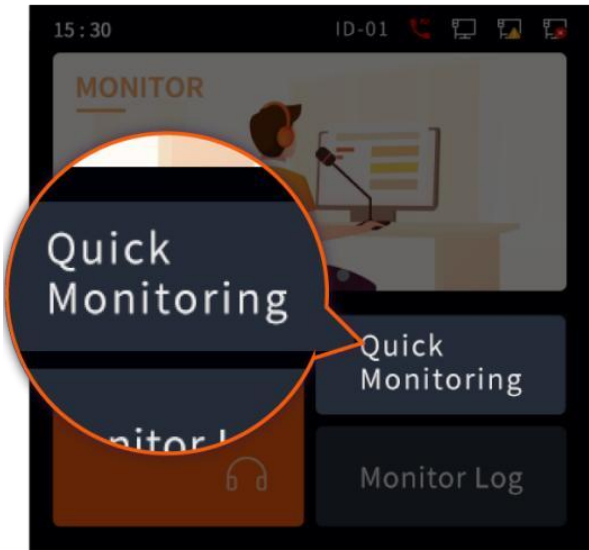


You can view call logs

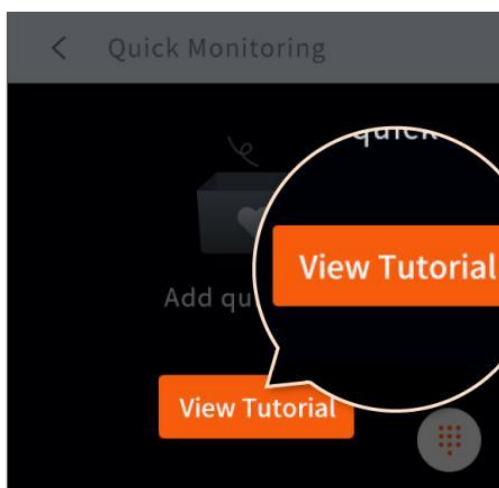
2.4. Monitoring



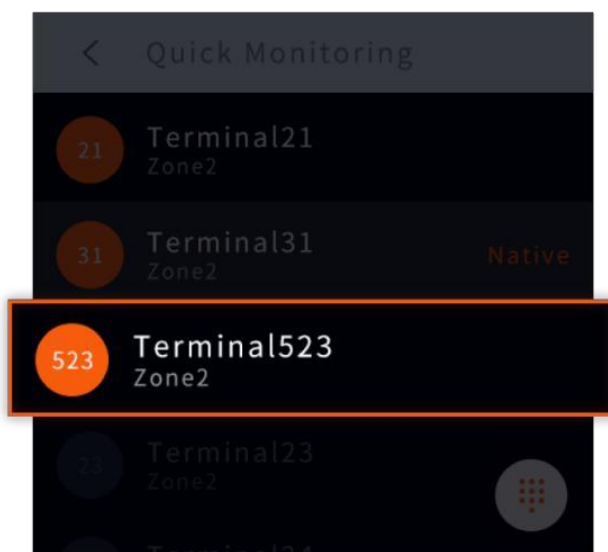
Vuốt màn hình cảm ứng để tìm mô-đun “Giám sát”.



Nhấn vào đây để vào menu “Giám sát nhanh”.



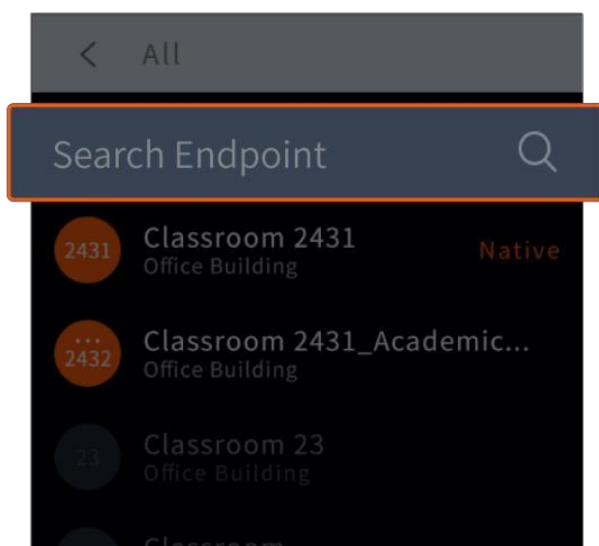
Nhấp vào nút “Xem hướng dẫn” để xem hướng dẫn về cách thêm giám sát nhanh.



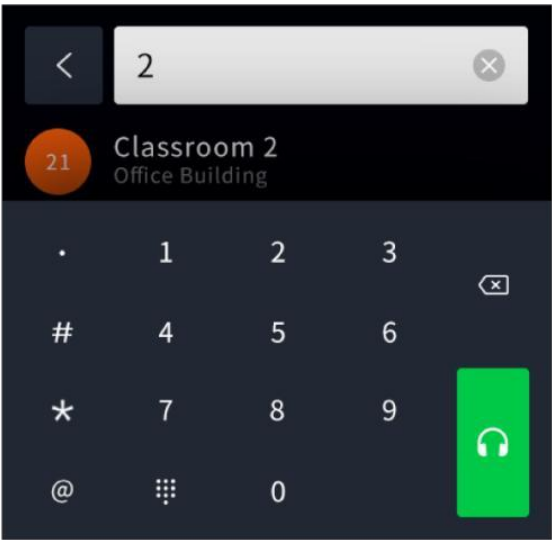
Nhấp vào thiết bị, trực tiếp bắt đầu giám sát.



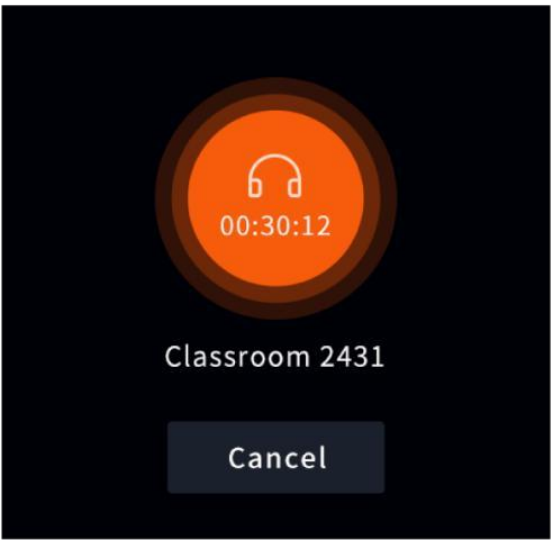
Nhấn vào đây để vào menu “Endpoint Directory”.



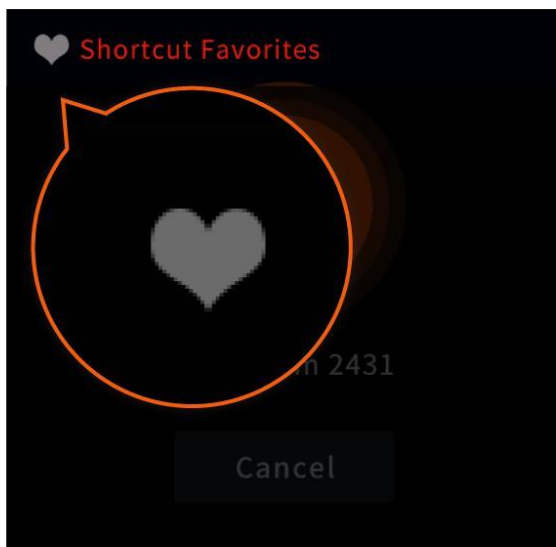
Tại đây bạn có thể sử dụng thanh tìm kiếm để tìm kiếm thiết bị đầu cuối IP cụ thể.



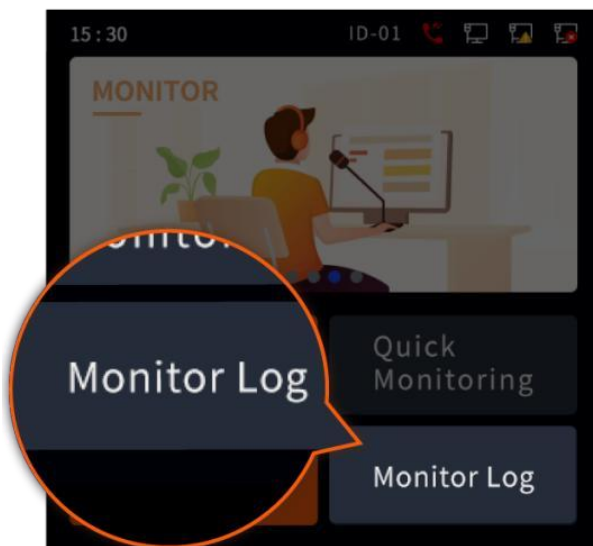
Bạn có thể nhấn vào thiết bị đầu cuối mục tiêu nhất định để bắt đầu giám sát trực tiếp.



Trong quá trình giám sát, bạn có thể nhấn “Hủy” để hủy giám sát.



Nhấn vào biểu tượng trái tim để thêm thiết bị đầu cuối này vào menu phím tắt “Giám sát nhanh”.



Nhấn vào đây để vào menu “Theo dõi Nhật ký”.

< Monitor Log	
Terminal21 Zone2	PM 15:53 10/14
Terminal2 Zone2	PM 15:54 10/14
Terminal14 Zone2	PM 15:53 10/15
Terminal15 Zone2	PM 12:53 10/17

Bạn có thể xem nhật ký giám sát.

3. Cấu hình Web

3.1. Tổng quan

Một trong những tính năng độc đáo nhất của IP Paging Console là máy chủ web tích hợp.

Máy chủ web tích hợp này có thể quản lý tới 30 thiết bị đầu cuối IP (như bộ điều hợp phân trang IP, bộ khuếch đại IP, loa IP, hệ thống liên lạc nội bộ IP, v.v.), hoàn toàn phù hợp cho các dự án quy mô nhỏ với nhu cầu tương đối đơn giản.

Máy chủ web tích hợp này có thể quản lý tới 30 thiết bị đầu cuối IP (như bộ điều hợp phân trang IP, bộ khuếch đại IP, loa IP, hệ thống liên lạc nội bộ IP, v.v.), hoàn toàn phù hợp cho các dự án quy mô nhỏ với nhu cầu tương đối đơn giản.

3.2. Truy cập Web

Sau khi kết nối IP Paging Console với mạng cục bộ tiêu chuẩn thông qua cổng Ethernet RJ-45 trên bảng điều khiển ngân hàng, bạn có thể thử đăng nhập vào giao diện web của thiết bị.

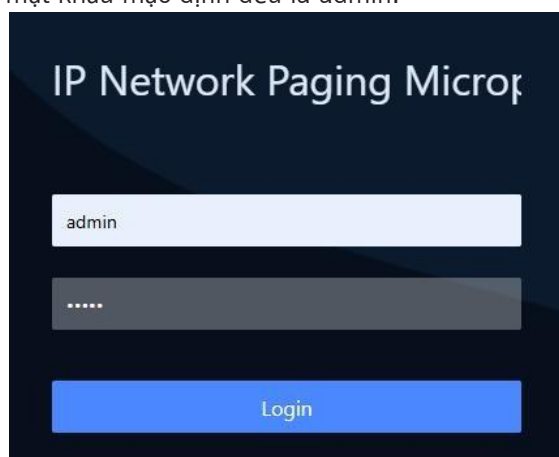
(1) Có thể truy cập giao diện web bằng cách nhập địa chỉ IP của IP Paging Console vào trình duyệt web (Microsoft Edge, Google Chrome, Mozilla Firefox, v.v.).

Lưu ý: Địa chỉ IP mặc định: <http://192.168.1.101/>

(2) Nhập tên người dùng và mật khẩu để đăng nhập.

Rất khuyến khích thay đổi mật khẩu mặc định sau lần đăng nhập đầu tiên, đặc biệt là khi thiết bị được kết nối trực tiếp với mạng công cộng.

Lưu ý: Tên người dùng và mật khẩu mặc định đều là admin.



(3) Nhấp vào nút [Đăng nhập] để truy cập vào giao diện web của IP Paging Console.

3.6. Cấu hình hệ thống cơ bản

3.6.1. Tổng quan

Sau khi vào máy chủ web tích hợp, giao diện tổng quan hiển thị thông tin sau:

Số lượng thiết bị đầu cuối: Hiển thị số lượng tất cả các thiết bị đầu cuối trong máy chủ.

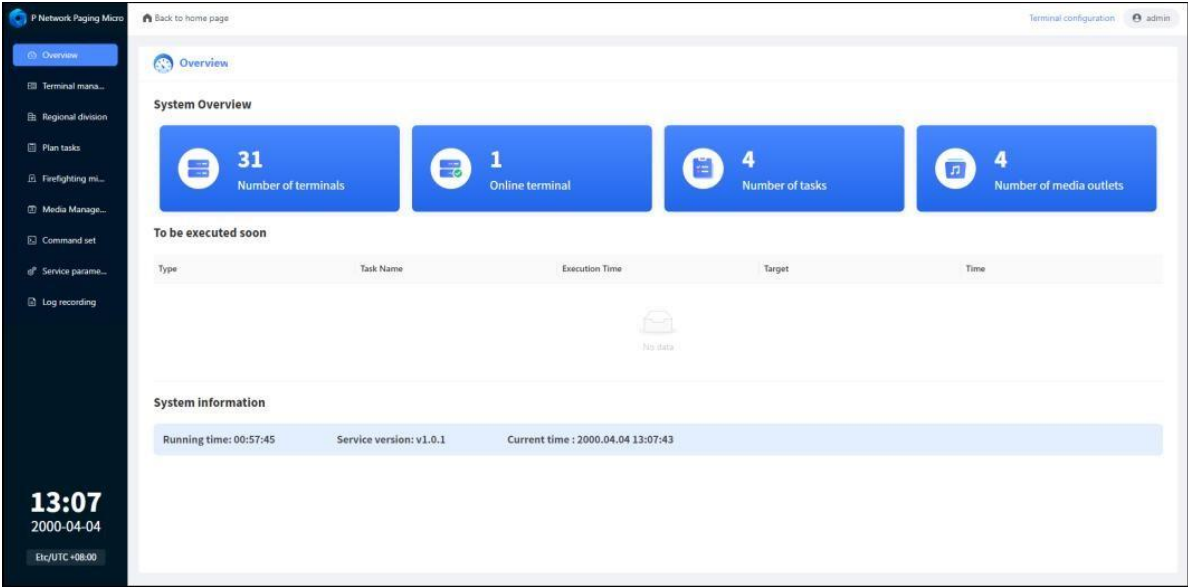
Thiết bị đầu cuối trực tuyến: Hiển thị số lượng tất cả các thiết bị đầu cuối trực tuyến trong máy chủ.

Số lượng tác vụ: Hiển thị tổng số tác vụ theo kế hoạch trong máy chủ.

Số lượng phương tiện truyền thông: Hiển thị tổng số tệp âm thanh trong máy chủ.

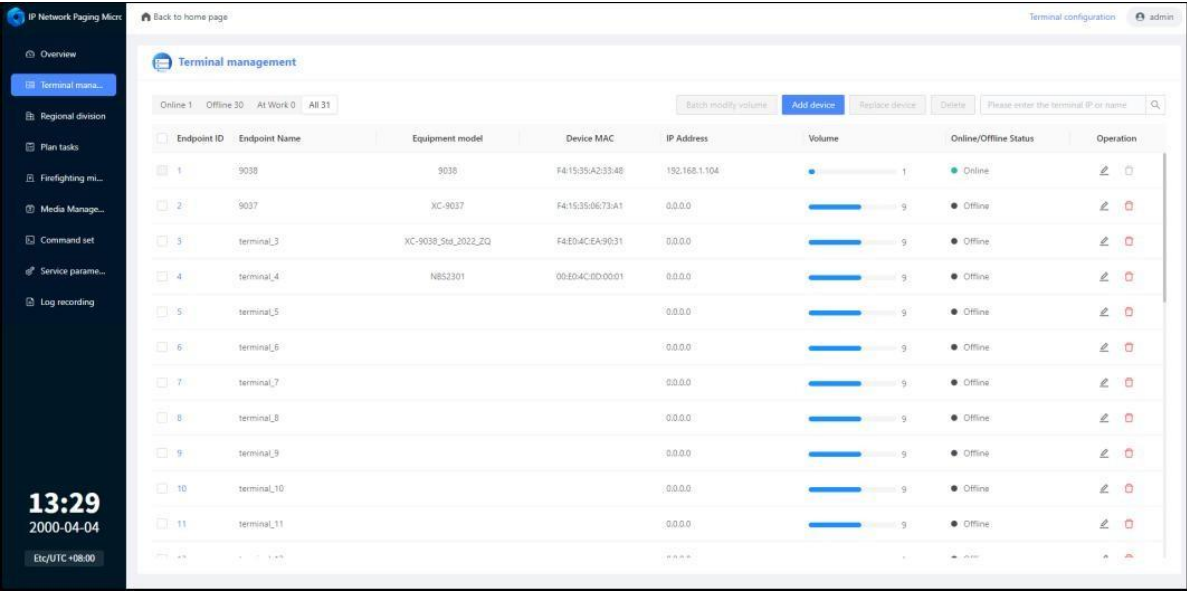
Sắp thực hiện: Hiển thị các tác vụ sẽ được thực hiện.

Thông tin hệ thống: Hiển thị thời gian chạy máy chủ, phiên bản máy chủ và thời gian hiện tại.



3.6.2. Quản lý thiết bị đầu cuối

Bạn có thể thêm thiết bị đầu cuối/sửa đổi thiết bị đầu cuối/thay thế thiết bị đầu cuối/xóa thiết bị đầu cuối trong giao diện quản lý thiết bị đầu cuối. Để biết chi tiết về thao tác, hãy xem phần sau.



Add Device

Nhấp vào nút “Thêm thiết bị”, nút này có thể thêm thiết bị bằng cách quét.

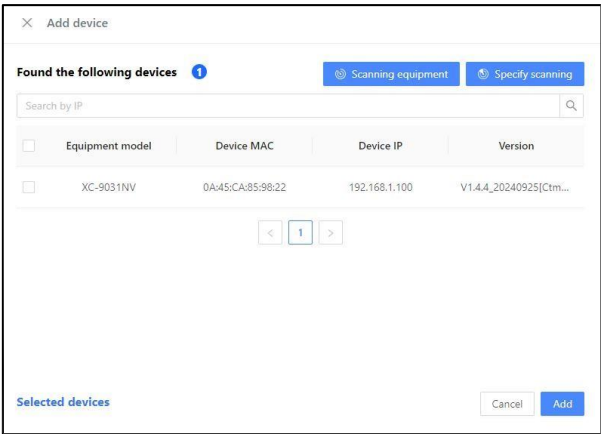
Scanning equipment: Quét

tất cả các thiết bị đầu cuối muốn đăng nhập vào máy chủ web tích hợp trong cùng một mạng.

Specify scanning: Đang quét

các thiết bị trong phân đoạn địa chỉ IP được chỉ định.

Diagram



×

Search rules

*Starting IP

192.168.1.100

*Terminate IP

192.168.1.109

Cancel

Start searching

2 **Modify Device**

Chọn một thiết bị đầu cuối, sau đó nhấp vào  nút trong cột thao tác, bạn có thể sửa đổi tên điểm cuối, thông tin, âm lượng

×

Modify Terminal

*Endpoint Name

terminal_4

*Endpoint ID

4

Volume

Subdivision1

subpart1

Subdivision2

subpart2

Subdivision3

subpart3

Subdivision4

subpart4

Cancel

Save

phân khu, bạn có thể chỉnh sửa tên phân khu.

3 **Replace device**

Chọn một thiết bị đầu cuối, sau đó nhấp vào nút “Thay thế thiết bị”, Bạn có thể thay thế một thiết bị đầu cuối bằng một thiết bị đầu cuối khác.

×

Replace device

Found the following devices 1

Scanning equipment

Specify scanning

Search by IP

☐

Equipment model

Device MAC

Device IP

Version

☐

XC-9031NV

0A:45:CA:85:98:22

192.168.1.100

V1.4.4_20240925[Ctm...

<

1

>

Selected devices

Cancel

Add

4 **Modify Volume**

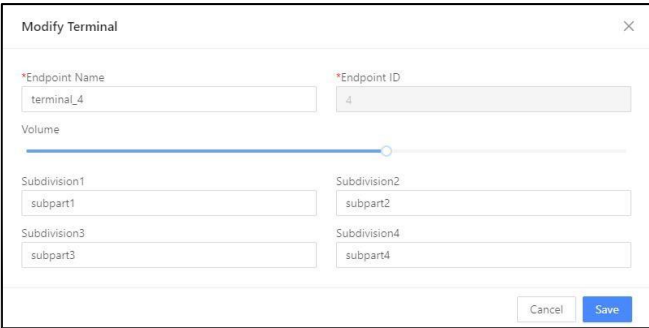
Batch modify volume:

Đánh dấu vào các thiết bị đầu cuối sẽ sửa đổi âm lượng, sau đó nhấp vào nút “Sửa đổi âm lượng hàng loạt”, bạn có thể sửa đổi âm lượng thiết bị đầu cuối hàng loạt.



Modify volume singly.

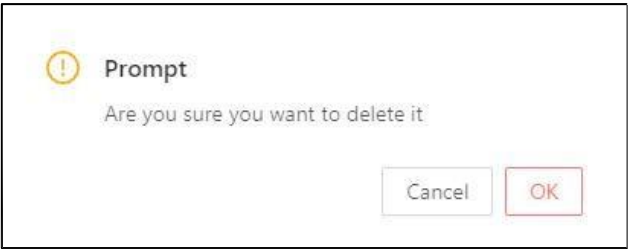
Đánh dấu vào terminal muốn sửa đổi âm lượng, sau đó nhấp vào nút trong cột thao tác, bạn có thể sửa đổi âm lượng terminal riêng lẻ.



5 **Delete Terminal**

Batch delete terminal:

Đánh dấu vào các thiết bị đầu cuối sẽ xóa, sau đó nhấp vào nút “Xóa”, bạn có thể xóa thiết bị đầu cuối theo đợt.

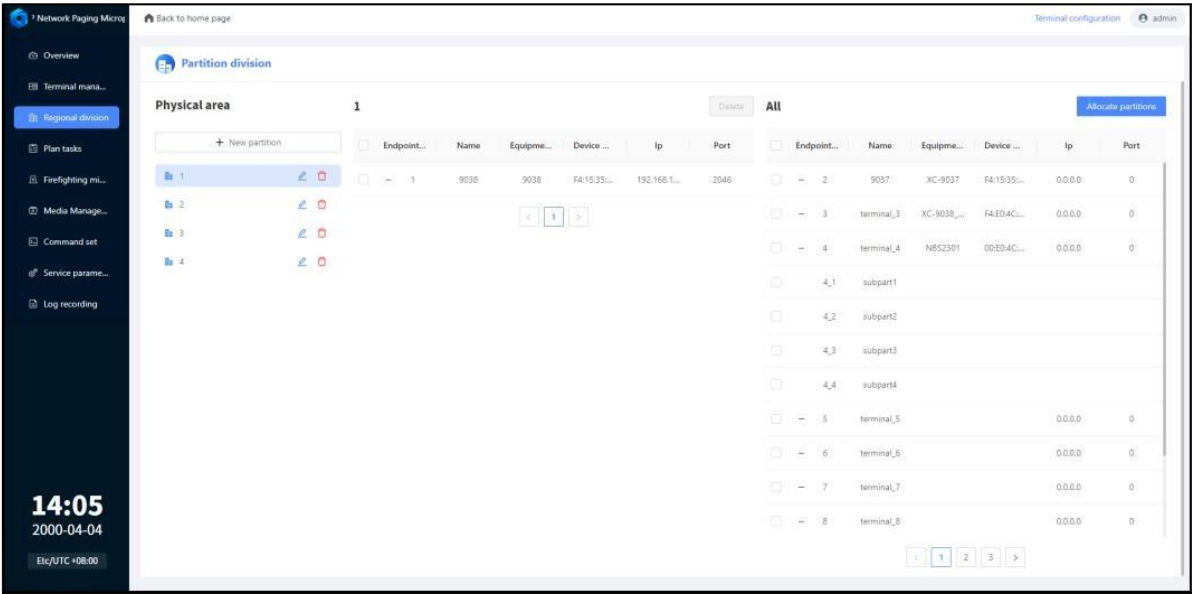


Delete terminal singly.

Đánh dấu vào terminal muốn xóa, sau đó nhấp vào nút trong cột thao tác, bạn có thể xóa terminal riêng lẻ.

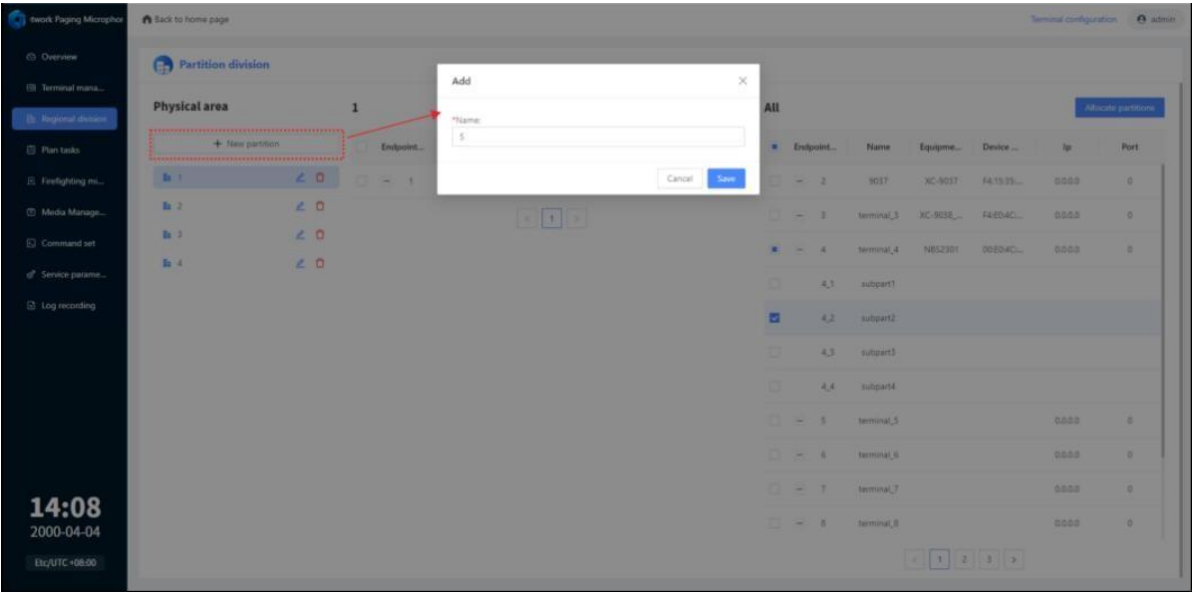
3.6.3. Phân vùng

Bạn có thể thêm và quản lý nhiều phân vùng khác nhau trên máy chủ web tích hợp sẵn.



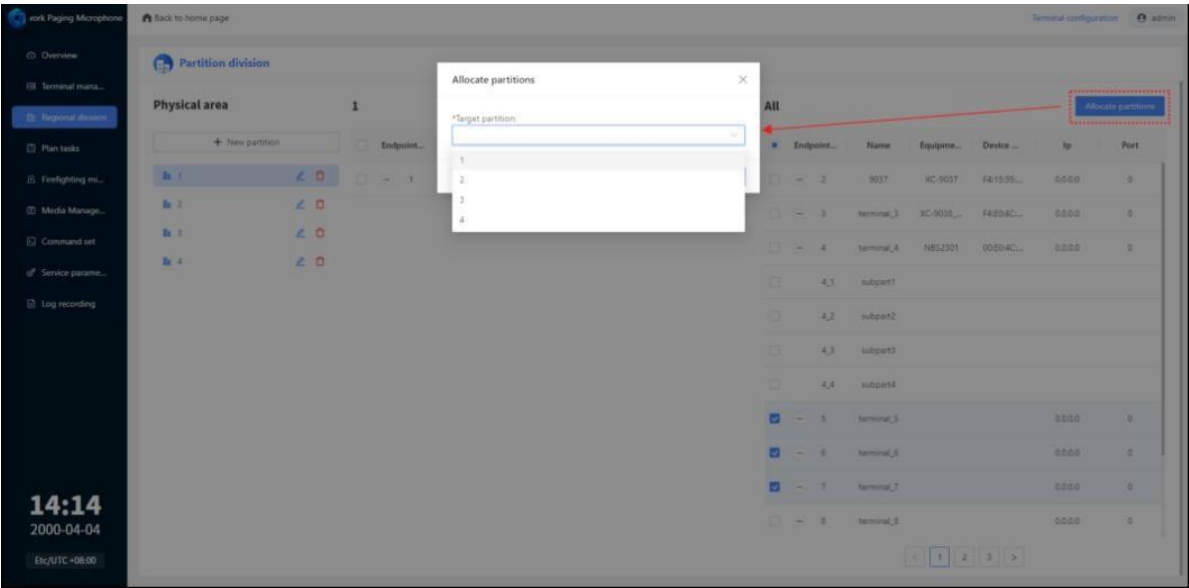
3.6.3.1. Tạo Vùng

Nhấp vào nút “Phân vùng mới” để thêm phân vùng mới.



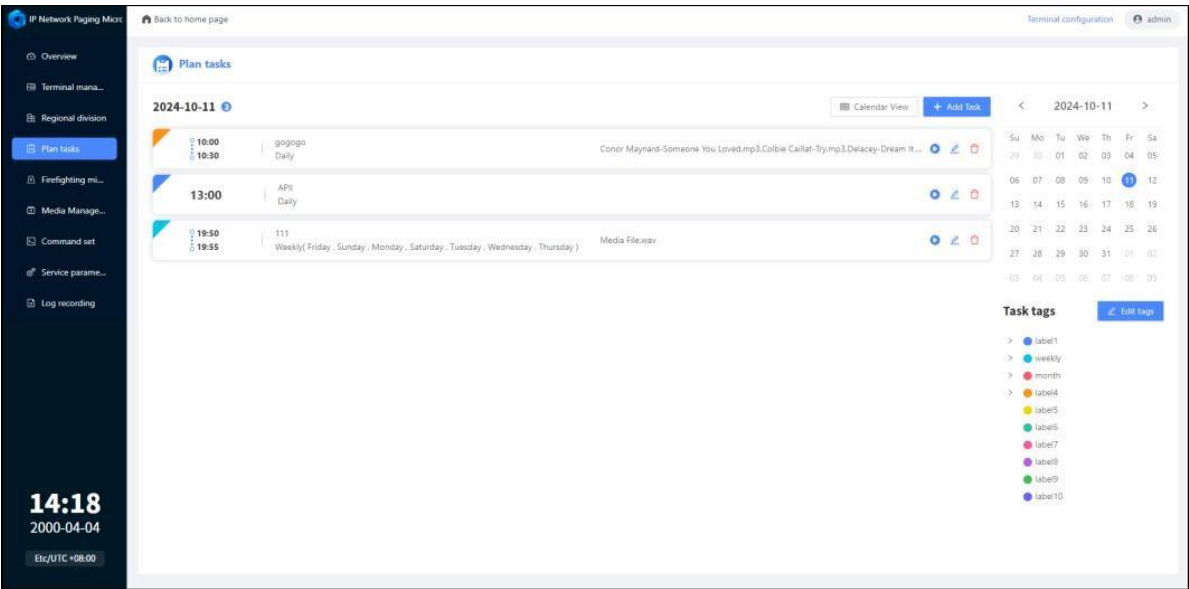
3.6.3.2. Thêm thiết bị vào vùng

Trong danh sách terminal, hãy đánh dấu vào terminal sẽ phân bổ phân vùng, sau đó nhấp vào nút “phân bổ phân vùng”,
chọn phân vùng, bạn có thể phân bổ terminal cho phân vùng.
Lưu ý: Cùng một thiết bị đầu cuối có thể được đặt ở nhiều phân vùng khác nhau.



3.6.4. Tạo lịch thông báo, phát nhạc

Bạn có thể dễ dàng thiết lập các nhiệm vụ kế hoạch ở đây trên máy chủ web tích hợp.



3.6.4.1. Sửa lịch

Để tìm kiếm và quản lý nhanh chóng các nhiệm vụ kế hoạch, bạn có thể tạo các thẻ khác nhau, chia các nhiệm vụ kế hoạch thành các thẻ khác nhau. Có thể tạo 10 thẻ.
Nhấp vào nút “Chỉnh sửa thẻ” để chỉnh sửa thông tin thẻ.

✕ Edit task tags

Priority	Color	Tag Name	Repeat settings	
1		label1	 Edit	=
2		weekly	 Edit	=
3		month	 Edit	=
4		label4	 Edit	=
5		label5	 Edit	=
6		label6	 Edit	=
7		label7	 Edit	=
8		label8	 Edit	=
9		label9	 Edit	=
10		label10	 Edit	=

Cancel

✕ Repeat settings

*Color:

 ▼

*Play cycle:

Daily ▼

Color: : Nhấp vào nút “Chỉnh sửa” trong cột “Lặp lại cài đặt”, Chọn màu cho thẻ.

Tag name: Đặt tên

Play cycle: Thiết lập thời gian chu kỳ của thẻ, Một lần, Hàng ngày, Hàng tuần, Hàng tháng là tùy chọn.

Volume Trim: Thiết lập âm lượng phát của tác vụ.

Linkage target ID alarm output: Set whether to linkage target ID alarm output. If it is enabled, set the linkage ID, alarm output port, Linkage alarm output type(open, close).

Media File: Set media audio files to be played for the task. **Note:**Media audio file need to be uploaded in “Media Management” first.

Target Area: Set task play target area.

Nhiệm vụ mở rộng

Task Type: Nhiệm vụ rung chuông và nhiệm vụ API là tùy chọn.

Task Name: Đặt tên tác vụ.

Task Tags: Chọn thẻ tác vụ.

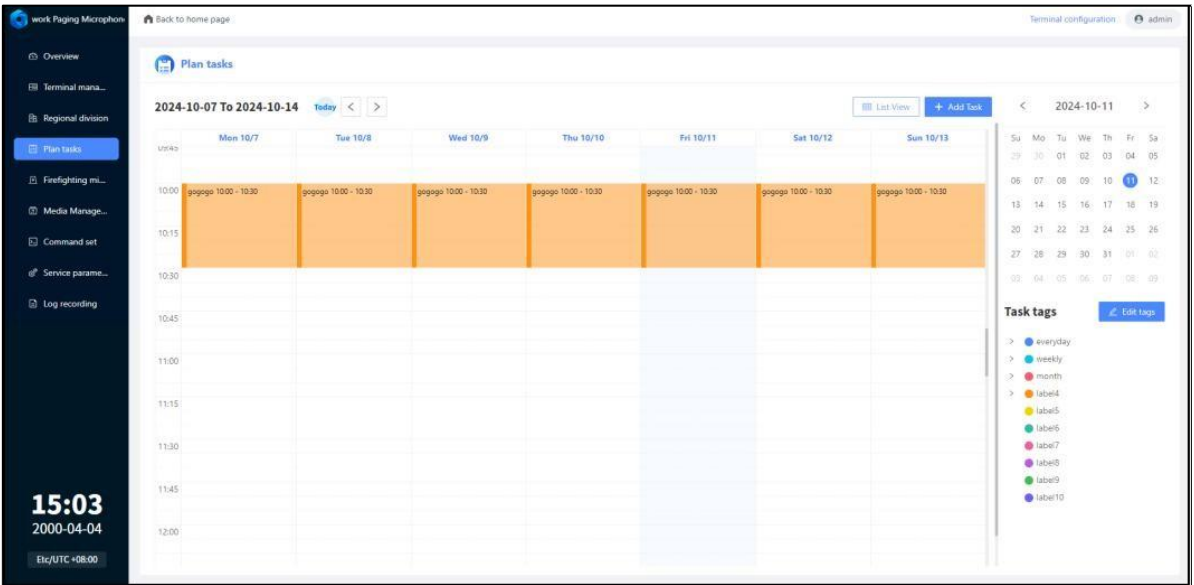
Execution Time:Thiết lập thời gian thực hiện tác vụ.

Command Set: Chọn bộ lệnh. **Lưu ý:** Trước tiên cần phải thiết lập trong mô-đun “Bộ lệnh”.

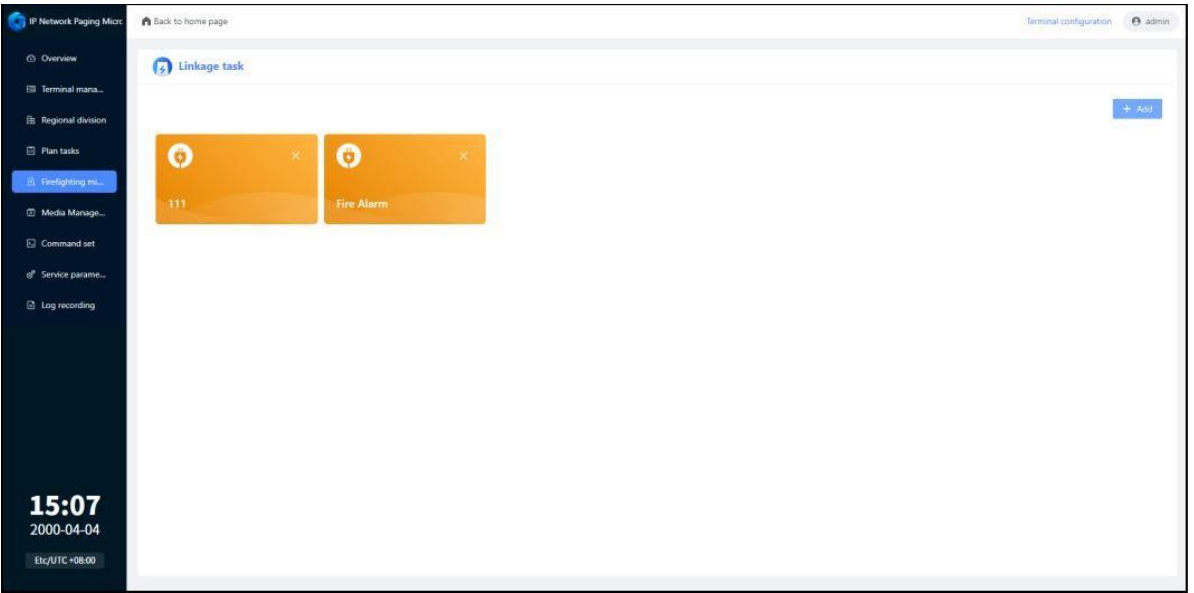
Linkage target ID alarm output: Đặt xem có liên kết ID mục tiêu báo động đầu ra hay không. Nếu được bật, hãy đặt ID liên kết, cổng đầu ra báo động, Loại đầu ra báo động liên kết (mở, đóng).

3.6.4.3. Chế độ xem lịch

On the main interface of Plan Tasks , default display is list view. Click on the “Calender View” button to switch in calendar view.



3.6.5. Tạo lệnh khẩn cấp báo cháy, báo động



3.6.5.1. Thêm khẩn cấp

Add Task

1
Fill in information

*Task Name
Fire Alarm

*Endpoint ID
5

*Play mode:
Fixed duration

*Trigger Type:
Edge

*Default state:
Open

*Port Number
1

*Duration(Unit seconds):
30

Volume trim

2
Linkage target ID alarm output

*Linkage target ID:
terminal_2

*Linkage target ID alarm output port:
1

*Linkage alarm output:
Open

*Automatic Control:

3
Media File
Random play :

medio
Broadcast File
Audio1.mp3

Audio1.mp3

4
Target area

All
22
23
30
all

23

Cancel
Save

Task Name: Đặt tên tác vụ.

Default State: Thiết lập trạng thái mặc định của cổng đầu vào báo động, Mở hoặc đóng là tùy chọn.

Endpoint ID: Chỉ định thiết bị đầu cuối nhất định có đầu vào rơle, thiết bị đầu cuối này sẽ hoạt động như thiết bị kích hoạt.

Port Number: Chỉ định số cổng của đầu vào rơle trên thiết bị kích hoạt được chỉ định.

Play Mode: Thiết lập chế độ phát, thời lượng cố định hoặc phát theo chế độ xem là tùy chọn.

Duration(Unit Seconds): Khi bạn chọn “Thời lượng cố định” làm chế độ phát, hãy đặt thời lượng phát nhiệm vụ.

Trigger Type: Thiết lập loại kích hoạt của cổng đầu vào báo động, cạnh hoặc mức là tùy chọn.

Number of Cycles: Khi bạn chọn “Phát theo chế độ xem” làm chế độ phát, hãy đặt số chu kỳ.

Volume Trim: Thiết lập âm lượng phát của tác vụ

Linkage target ID alarm output: Đặt xem có liên kết ID mục tiêu báo động đầu ra hay không. Nếu được bật, hãy đặt ID liên kết và cổng đầu ra báo động.

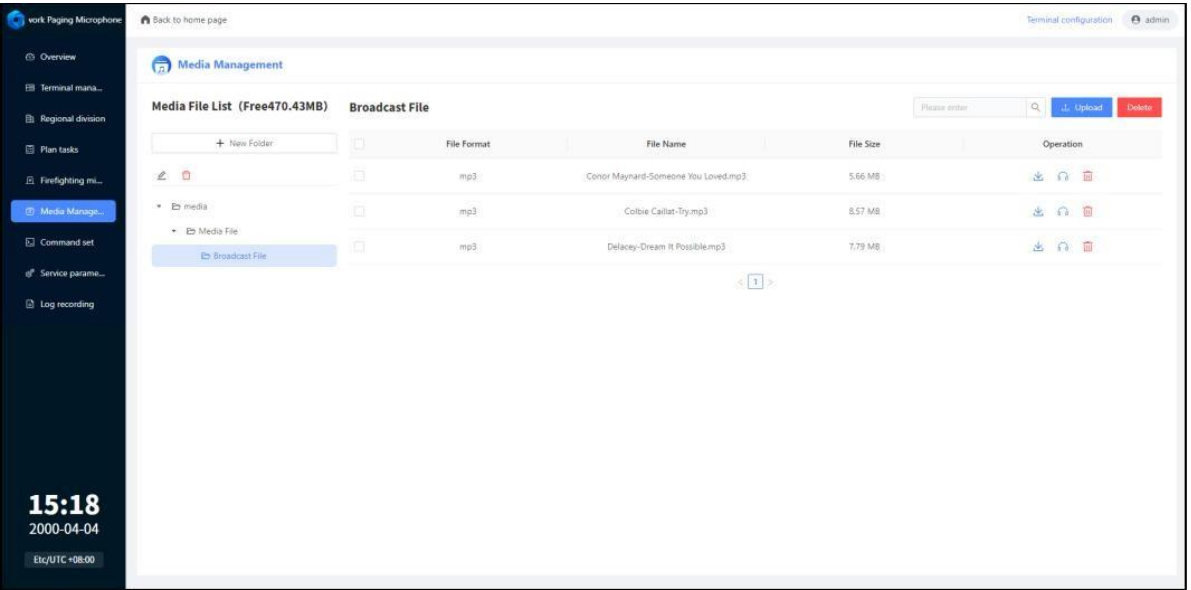
62

Media File: Thiết lập các tệp âm thanh phương tiện để phát cho tác vụ. **Lưu ý:** Tệp âm thanh phương tiện cần được tải lên “Media Management ” trước.

Target Area: Thiết lập khu vực mục tiêu chạy nhiệm vụ.

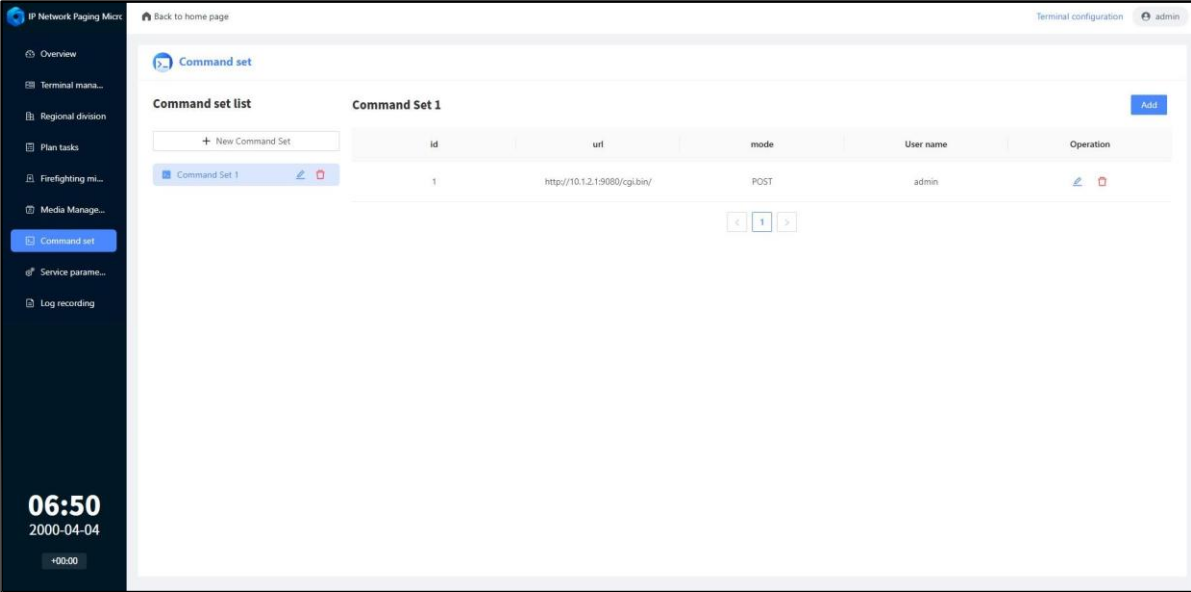
3.6.6. Media Management

Bạn có thể tải lên các tệp âm thanh trên mô-đun quản lý phương tiện cho các nhiệm vụ lập kế hoạch và nhiệm vụ chữa cháy.



3.6.7. Command Set

Bạn có thể thiết lập lệnh ở đây.



3.6.8. Service Parameters

Return to Factory: Nhấp vào nút này, tất cả các thiết lập trên máy chủ web sẽ được khôi phục về cài đặt mặc định của nhà sản xuất.

Configure Backup: Nhấp vào nút này, tất cả các thông số hệ thống được cài đặt sẵn trên máy chủ web sẽ được sao lưu.

Backup Upload: Nhấp vào nút này, bạn có thể tải lên tệp cấu hình sao lưu và khôi phục cấu hình.

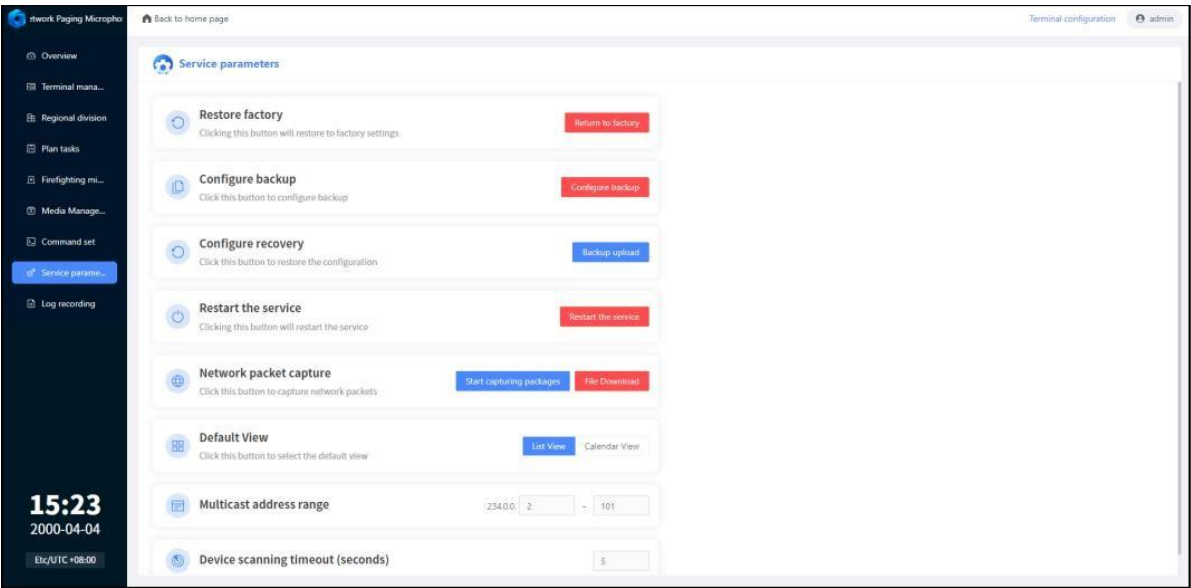
Restart the device: Nhấp vào nút này sẽ khởi động lại máy chủ web.

Network packet capture: Nhấp vào nút “bắt đầu thu thập gói tin” rồi nhập thời lượng thu thập gói tin để thu thập gói tin mạng, bạn có thể nhấp vào nút “Tải xuống tệp tin” để tải xuống tệp gói tin mạng.

Default View: Nhấp vào nút này để thiết lập chế độ xem mặc định của mô-đun nhiệm vụ kế hoạch.

Multicast address range: Thiết lập phạm vi địa chỉ đa hướng.

Device scanning timeout (seconds): Đặt thời gian chờ quét thiết bị.



3.6.9. Log Recording

Tệp nhật ký của các tác vụ rung chuông theo lịch trình và tác vụ chữa cháy có thể được xuất tại đây.

Lưu ý: Nếu bạn nhấp trực tiếp vào nút [Xuất] mà không đặt khoảng thời gian nhất định, tệp nhật ký của mọi thời điểm sẽ được xuất cùng lúc.

etwork Paging Micropho

Back to home page

Terminal configuration

admin

Overview

Terminal mana...

Regional division

Plan tasks

Firefighting mi...

Media Manage...

Command set

Service param...

Log recording

15:35

2000-04-04

Etc/UTC +08:00

Log Record

Scheduled Bell Ringing Log

Start date

End date

Please enter

Export

Log List

Name	Status	Execution Mode	Execution Time
gogogo	Terminate	Automatic	2024-10-10 10:33:54
gogogo	Activate	Automatic	2024-10-10 10:24:00
gogogo	Terminate	Automatic	2024-10-10 10:21:54
gogogo	Activate	Automatic	2024-10-10 10:12:00
gogogo	Terminate	Automatic	2024-10-10 10:09:54
gogogo	Activate	Automatic	2024-10-10 10:00:00
gogogo	Terminate	Automatic	2024-10-09 10:33:54
gogogo	Activate	Automatic	2024-10-09 10:24:00
gogogo	Terminate	Automatic	2024-10-09 10:21:54
gogogo	Activate	Automatic	2024-10-09 10:12:00

Total 28

1

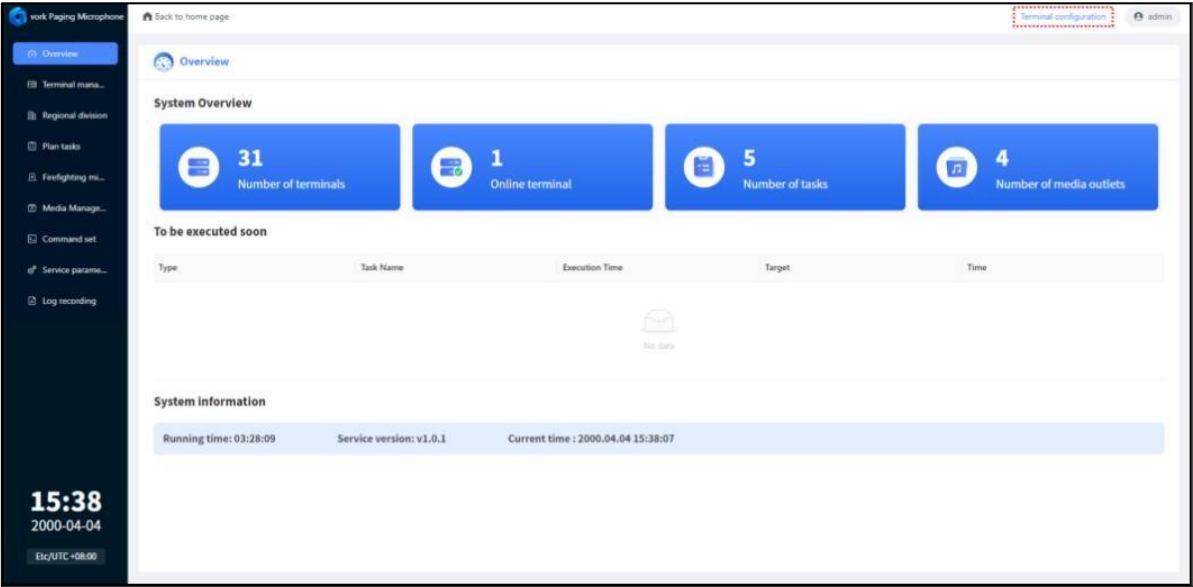
2

3

>

3.7. Exit the Built-In Web Server

Nhấp vào “Cấu hình thiết bị đầu cuối” ở góc trên bên phải của trang web, bạn có thể truy cập vào giao diện thiết lập của thiết bị đầu cuối.



SPON



www.spon.com.vn

Tel: +84 869.886.175

Mobile: +84.918750756

Email: info@spon.com.vn

Address: 178 Lê Sát, Tân Quý, Tân PHú, Hồ Chí Minh